

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định
chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số như sau: Giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ trương nêu trên được thể chế hóa tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024), được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15. Theo đó, tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện".

2. Cơ sở thực tiễn

- Qua tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho thấy, thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đất ở, đất sản xuất, mặc dù Đảng và Nhà nước đã quan tâm ban

hành và tổ chức thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, như: Chính sách giáo dục và đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm, lồng ghép các chính sách về nhà ở,... Bên cạnh đó, tuy việc thi hành Luật Đất đai số 45/2013/QH13 đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng công tác quản lý và sử dụng đất đai vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Việc tiếp cận đất đai của cá nhân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số còn bất cập như sử dụng đất không đúng mục đích (do không có kinh phí để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, nộp tiền sử dụng đất,...).

- Tại Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định về "trách nhiệm của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong lĩnh vực đất đai", thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo. Theo đó, Điều 16 của Luật và Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số; đồng thời, giao địa phương căn cứ tình hình thực tế để ban hành chính sách áp dụng phù hợp. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; riêng thành phố Cần Thơ (cũ) chưa ban hành chính sách này.

- Tuy nhiên, do các Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang mới được ban hành, thời gian có hiệu lực thi hành chưa lâu; đồng thời, trong cùng thời điểm, các địa phương đang tập trung triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, đã lồng ghép nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, các địa phương chưa ban hành kế hoạch, đề án hoặc bố trí nguồn lực để triển khai riêng chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo các Nghị quyết đã ban hành.

- Khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên khoảng 636.098 ha, dân số khoảng 3.850.247 người, với 668.812 người dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 17,37% tổng dân số toàn thành phố, trong đó có khoảng 1.953 hộ nghèo và 6.368 hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số¹. Trên cơ sở đó, các cơ quan chuyên môn thành phố Cần Thơ (mới) đã thực hiện rà soát lại chính sách đã được ban hành và thực hiện tại các địa phương trước khi sáp nhập, đồng thời rà soát lại nguồn lực thực hiện để tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ

¹ Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố Cần Thơ (mới).

- Do đó, việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ để cụ thể hóa quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 là cần thiết, nhằm góp phần hỗ trợ cho đồng bào dân tộc trong tiếp cận đất đai, nhất là việc có đất ở, đất sản xuất để phục vụ phát triển kinh tế, ổn định sinh kế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Nghị quyết là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm ổn định chính trị - xã hội; phù hợp với chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ giữa Nghị quyết với các quy định pháp luật khác có liên quan; tăng cường trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức trong quản lý và sử dụng đất.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, cụ thể:

1. Trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết 226/NQ-TT ngày 28 tháng 10 năm 2025 ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết luật của Quốc hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố phân công cơ quan soạn thảo Nghị quyết tại Công văn số 2258/UBND-NC ngày 10 tháng 11 năm 2025.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo dự thảo Tờ trình, Nghị quyết, Bản thuyết minh nội dung dự thảo, Bản đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị quyết.

3. Tổ chức đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết lên Cổng Thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân (từ ngày 12 tháng 5 năm 2026 đến ngày 25 tháng 5 năm 2026); lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết và chỉnh lý theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 6290/SNNMT-CCQLĐĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 và được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 353/BC-STP ngày 05 tháng 6 năm 2026.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố theo đúng quy định.

6. Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố đã thống nhất thông qua dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 04 tháng 7 năm 2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 09 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ về đất đai.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ về đất đai.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ về đất đai.

Điều 5. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 6. Điều kiện thực hiện quyền của đối tượng được hỗ trợ về đất đai.

Điều 7. Quỹ đất và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai.

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

Điều 9. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

a) Nguyên tắc hỗ trợ về đất đai

- Ưu tiên giải quyết cho các đối tượng chưa được hỗ trợ đất đai lần đầu, sau đó xem xét giải quyết cho các đối tượng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức quy định.

- Phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng thủ tục quy định; phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, dân tộc.

b) Điều kiện hỗ trợ về đất đai

- Điều kiện hỗ trợ về đất đai cho cá nhân là người dân tộc thiểu số

Cá nhân là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ về đất đai phải bảo đảm các điều kiện sau:

+ Phải sinh sống và thường trú trên địa bàn thành phố, được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận tại thời điểm xem xét cá nhân được hưởng chính sách.

+ Thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Không có đất ở hoặc đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố đối với trường hợp hỗ trợ đất đai lần đầu tương ứng với loại đất và hình thức hỗ trợ theo quy định của chính sách. Đối với trường hợp hỗ trợ đất đai để ổn định cuộc sống thì phải thuộc đối tượng đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu nhưng không còn đất hoặc có diện tích đất nông nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ.

+ Chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- Việc xác định cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Chính sách hỗ trợ về đất đai

- Chính sách hỗ trợ về đất đai lần đầu như sau:

+ Giao đất ở trong hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất.

+ Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Giao đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất với diện tích không quá 5.000 m².

+ Trường hợp không có đất sản xuất (đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở) và chưa được giao đất nông nghiệp theo quy định của chính sách này mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, được giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật, diện tích được cho thuê không quá 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Diện tích giao đất ở trong hạn mức và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chính sách hỗ trợ về đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu nhưng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức:

+ Trường hợp không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất. Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.

+ Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thấp hơn mức hỗ trợ đất nông nghiệp là 5.000 m² thì được hỗ trợ giao tiếp đất nông nghiệp nhưng tổng diện tích đất đang sử dụng và diện tích được giao thêm nhưng không được vượt quá 5.000 m².

d) Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được bố trí khu đất sinh hoạt cộng đồng đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m²/khu đất đối với phường và tối thiểu là 500 m²/khu đất đối với xã phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương.

đ) Điều kiện thực hiện quyền của đối tượng được hỗ trợ về đất đai

Cá nhân là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ về đất đai theo Nghị quyết này khi thực hiện thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH: Không có.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

- Tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: “4. Đất để thực hiện chính sách quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 của Luật này”; cụ thể:

+ Quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý tại khoản 1 Điều 217 Luật Đất đai số 31/2024/QH15:

“1. Đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý là đất chưa giao, chưa cho thuê hoặc đã được giao đất để quản lý, bao gồm:

- a) Đất sử dụng vào mục đích công cộng;
- b) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, ao, hồ, đầm, phá;
- c) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt;
- d) Đất có mặt nước chuyên dùng;

...

e) Đất do Nhà nước thu hồi và giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý;

g) Đất do Nhà nước thu hồi và giao Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trong các trường hợp tại điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 82 tại khu vực nông thôn; khoản 5 Điều 86; điểm e khoản 2 Điều 181 của Luật này;

h) Đất giao lại, chuyển quyền sử dụng đất của tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao khi không có nhu cầu sử dụng đất thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và quy định của pháp luật có liên quan;

i) Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn;

k) Đất chưa sử dụng”.

+ Quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15:

“Điều 79. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản văn hóa trong trường hợp sau đây: ...29. Thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Luật này”.

- Theo đó, quỹ đất để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai được tạo lập từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất Nhà nước thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 để thực hiện các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, nguồn quỹ đất để thực hiện chính sách là nguồn biến động, được hình thành và bổ sung theo quá trình quản lý, thu hồi đất của Nhà nước trong từng giai đoạn. Khi tổ chức thực hiện chính sách, cơ quan, người có thẩm quyền sẽ rà soát quỹ đất

hiện có của địa phương, số lượng đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ, nhu cầu sử dụng đất thực tế và điều kiện cụ thể của từng địa bàn để quyết định diện tích giao đất phù hợp.

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Thời gian trình ban hành: Tại kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố; (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân thành phố; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo thẩm định số 353/BC-STP ngày 05/6/2026 của Sở Tư pháp; (5) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị; (7) Bản đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị quyết; (8) các văn bản, tài liệu có liên quan).

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 529/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố.

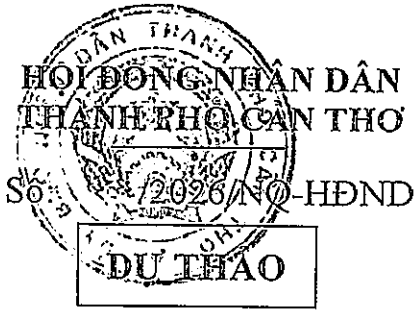
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- BTV Đảng ủy UBND TP (để b/c);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐNDTP;
- Các Sở: NN&MT, TP, TC, XD, DT&TG;
- VP UBNDTP (2H, 3B, 3C);
- Lưu: VT_{lv}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ về đất đai

1. Ưu tiên giải quyết cho các đối tượng chưa được hỗ trợ đất đai lần đầu, sau đó xem xét giải quyết cho các đối tượng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức quy định.

2. Phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng thủ tục quy định; phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, dân tộc.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ về đất đai

1. Điều kiện hỗ trợ về đất đai cho cá nhân là người dân tộc thiểu số.

Cá nhân là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ về đất đai phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Phải sinh sống và thường trú trên địa bàn thành phố, được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận tại thời điểm xem xét cá nhân được hưởng chính sách.

b) Thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Không có đất ở hoặc đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố đối với trường hợp hỗ trợ đất đai lần đầu tương ứng với loại đất và hình thức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

Đối với trường hợp hỗ trợ đất đai để ổn định cuộc sống thì phải thuộc đối tượng đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này nhưng không còn đất hoặc có diện tích đất nông nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

d) Chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

2. Việc xác định cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Chính sách hỗ trợ về đất đai lần đầu như sau:

a) Giao đất ở trong hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất.

b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

c) Giao đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất với diện tích không quá 5.000 m².

d) Trường hợp không có đất sản xuất (đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở) và chưa được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm c Khoản này mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, được giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật, diện tích được cho thuê không quá 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Chính sách hỗ trợ về đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức:

a) Trường hợp không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất. Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.

b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thấp hơn mức hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ giao tiếp đất nông nghiệp nhưng tổng diện tích đất đang sử dụng và diện tích được giao thêm không được vượt quá mức hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 5. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được bố trí khu đất sinh hoạt cộng đồng đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m²/khu đất đối với phường và tối thiểu là 500 m²/khu đất đối với xã phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 6. Điều kiện thực hiện quyền của đối tượng được hỗ trợ về đất đai

Cá nhân là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ về đất đai theo Nghị quyết này khi thực hiện thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 7. Quỹ đất và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Đất để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khoá XI, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.